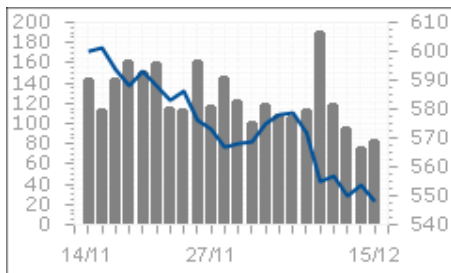


## HOSE

16/12/2014

VNINDEX	535.14	-12.78	-2.33%
KLGD	128,015,088	CP	
GTGD	2,498.61	Tỷ	
GTR NDTNN	-	7.96	Tỷ
CP Tăng giá	39	CP	
CP Giảm giá	207	CP	
CP Đứng giá	58	CP	



## Tâm điểm

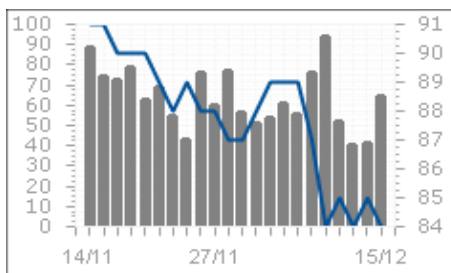
- ▶ **Đà bán tháo xuất hiện, chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh**
- ▶ **Lực bán diễn ra trên diện rộng, thanh khoản gia tăng**  
 NĐT Nước ngoài vẫn tiếp tục bán ròng trên 2 sàn
- ▶ **Kết thúc đàm phán FTA với Liên minh Hải quan**  
 Liên minh Hải quan sẽ ưu đãi thuế quan cho nhiều nhóm hàng  
 VnExpress
- ▶ **VAMC đã mua trên 100.000 tỷ đồng nợ xấu**  
 Ngân hàng Nhà nước đã đề xuất nâng vốn điều lệ của VAMC lên 2.000 tỉ đồng  
 Báo Hải quan
- ▶ **Ruble lao dốc, Nga khẩn cấp nâng lãi suất lên 17%**  
 Đề ngăn chặn đồng Ruble mất giá do giá dầu sụt giảm  
 Bloomberg
- ▶ **Cao su Phước Hòa lợi nhuận 11 tháng ước đạt 210 tỷ đồng**  
 Đạt tỷ lệ 78,62% kế hoạch năm  
 DVO
- ▶ **SASCO ước đạt 129 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế năm 2014**

DVO

## HNX

16/12/2014

HNXINDEX	82.64	-1.60	-1.90%
KLGD	62,486,275	CP	
GTGD	815.88	Tỷ	
GTR NDTNN	-	3.29	Tỷ
CP Tăng giá	57	CP	
CP Giảm giá	164	CP	
CP Đứng giá	158	CP	



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	591.78	-12.14	-2.01%
HNX30	161.70	-4.70	-2.82%

## Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	990,325	13.4	2.6	17.8%	9.2%
HNX	140,130	13.5	1.8	8.6%	4.1%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,130,455</b>	<b>13.8</b>	<b>2.6</b>	<b>17.6%</b>	<b>8.8%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,156	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,454	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Khai khoáng	37,076	12.7	1.9	22.0%	10.6%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,575	90.1	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng	25,647	14.1	1.5	13.8%	7.5%
Máy công nghiệp	32,647	31.5	1.2	0.3%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,602	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,659	8.4	1.5	18.4%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,260	10.6	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm	22,279	10.4	1.8	21.0%	7.4%
Dược phẩm	186,476	24.0	4.5	18.6%	14.4%
Phần mềm	15,298	12.2	2.7	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,754	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,740	10.3	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	136,899	11.2	3.6	32.2%	21.8%
Môi giới chứng khoán	24,565	19.5	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	27,486	11.7	1.5	11.0%	7.5%
Bất động sản	244,666	11.6	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	160,613	15.7	2.5	17.4%	4.5%
	32,232	7.3	1.5	21.9%	9.3%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

## VietinBankSc

306 Ba Triệu  
 Hai Ba Trưng  
 Hanoi  
 Vietnam  
 Tel: (844) 3974 7952  
 Fax: (844) 3974 1760  
[www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Kết thúc đàm phán FTA với Liên minh Hải quan**

**VAMC đã mua trên 100.000 tỷ đồng nợ xấu**

**Ruble lao dốc, Nga khẩn cấp nâng lãi suất lên 17%**

**Trịnh Thị Thu Phương**

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Cao su Phước Hòa lợi nhuận 11 tháng ước đạt 210 tỷ đồng**

**SASCO ước đạt 129 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế năm 2014**

**Quý VEIL giảm số hữu SAM xuống còn 7,55% vốn**

## ► Tin kinh tế

Vòng đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan đã kết thúc vào sáng nay (15/12). Liên minh Hải quan gồm Nga, Belarus và Kazakhstan, qua đó hiệp định sẽ được ký kết vào đầu năm sau. Sau khi Hiệp định đi vào thực thi, Liên minh Hải quan sẽ ưu đãi thuế quan cho nhiều nhóm hàng từ Việt Nam như nông sản, tất cả các mặt hàng thủy sản và hàng công nghiệp như dệt, may, da giày và đồ gỗ. Ngược lại, Việt Nam đồng ý mở cửa thị trường có lộ trình cho Liên minh Hải quan đối với một số sản phẩm chăn nuôi, mặt hàng công nghiệp gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải.

Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chủ tịch Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng (VAMC) - cho biết VAMC đã mua được trên 100.000 tỷ đồng nợ xấu. Trong đó, riêng trong năm 2014 VAMC đã mua khoảng 65.000 tỷ đồng, bán và thu hồi được 4.000 tỷ đồng. Ông Hùng cho rằng cái khó nhất hiện nay là việc bán nợ như thế nào để đảm bảo lợi ích của người vay và của ngân hàng. Điều cốt yếu nhất là cơ chế xử lý tài sản đảm bảo là bất động sản, nhà xưởng chưa hoàn thiện nên có muốn bán và xử lý nhanh nợ xấu cũng không được. Hiện NHNN đã trình Chính phủ dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung nghị định 53 về thành lập, tổ chức và hoạt động của VAMC. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước đã đề xuất nâng vốn điều lệ của VAMC lên 2.000 tỷ đồng thay vì mức 500 tỷ đồng như hiện nay.

Trong thông báo ngày 15/12, ngân hàng trung ương Nga nâng lãi suất cơ bản lên 17% từ 10,5% sau khi các nhà hoạch định chính sách bị triệu tập khẩn cấp do ruble đột ngột lao dốc. Thông báo này có hiệu lực từ ngày 16/12. Trong ngày 16/12, ngân hàng trung ương Nga cũng cho biết đã nâng mức trần ngoại tệ cung cấp cho khối ngân hàng nội địa (thông qua các buổi đấu giá) lên 5 tỷ USD từ mức 1,5 tỷ USD trước đó. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Nga có thể giảm 4,5% - 4,7% trong năm 2015 nếu giá dầu trung bình ở 60 USD/thùng, theo kịch bản của ngân hàng trung ương. Dòng vốn chảy ra khỏi Nga trong năm nay cũng theo đó có thể chạm mốc 134 tỷ USD.

## ► Tin doanh nghiệp

Theo tin từ Công ty cổ phần cao su Phước Hòa (HOSE: mã PHR), sản lượng khai thác 11 tháng đạt 16.634 tấn mù quy mô, đạt 89,91% kế hoạch năm. Tiêu thụ đạt 29.790 tấn thành phẩm, giá bán bình quân là 39,46 tỷ đồng/tấn. Doanh thu thành phẩm đạt 1.175,59 tỷ đồng. Tổng doanh thu 11 tháng đạt 1.183,48 tỷ đồng. Lợi nhuận tháng 11 ước đạt 10 tỷ đồng và lũy kế 11 tháng đạt 210 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 78,62% kế hoạch năm. Công ty lên phương hướng cho tháng 12/2014 khai thác đạt 2.590 tấn mù qui khô, cả năm vượt kế hoạch.

Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO) cho biết năm 2014, tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2.097 tỷ đồng và 129 tỷ đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập công ty diễn ra vào ngày 15/12, từ năm 2015 đến 2017, SASCO lên kế hoạch lợi nhuận tăng dần từ 170 tỷ đồng đến 187,8 tỷ đồng. Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong vòng 3 năm tới. Đại hội cũng thống nhất mức quỹ lương và thù lao của HĐQT năm 2015 là 876 triệu đồng. Mức thưởng HĐQT và BKS 0,7% lợi nhuận sau thuế khi công ty đạt kế hoạch. Ước tính, nếu hoàn thành kế hoạch năm 2015, mức thưởng tối thiểu đạt 1,2 tỷ đồng.

Quý đầu tư Vietnam Enterprise Investment Limited (VEIL) đã bán 770.000 cp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom SAM, giảm số lượng cổ phiếu nắm giữ xuống còn 1.167.140 cp, tương đương 0,89% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Các tổ chức có liên quan như Grinling International Limited và Veil Holdings Limited vẫn giữ nguyên số lượng cổ phiếu SAM đang nắm giữ. Sau ngày 15/12, Quý đầu tư VEIL đã làm giảm số lượng cổ phiếu nắm giữ từ 10.645.870 cp xuống còn 9.875.870 cp của SAM, ứng với tỷ lệ giảm từ 8,14% xuống còn 7,55% vốn, giảm nhẹ so với 8,73% vốn trước đó ngày 10/12.

**HOSE** 16/12/2014 VNINDEX 535.14 -12.78 -2.33% 128,015,088 CP 2,498.61 bil VND

**Đà bán tháo xuất hiện, chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh**

VN-Index giảm 12.79 điểm (-2.33%), đóng cửa tại mức 535.14 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên.

- MACD vẫn đang đi xuống, điều này cho thấy xu hướng giảm điểm của VN-Index vẫn tiếp diễn.
- Stochastic Oscillator sụt giảm và đi vào vùng quá bán.
- RSI (14) nằm sâu ở vùng quá bán.
- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đều đã cho tín hiệu quá bán, tuy nhiên rủi ro giảm điểm của VN-Index vẫn còn khi cổ phiếu ngành dầu khí vẫn chưa có dấu hiệu tạo đáy.



**HOSE Top 5 theo KLGD**

FLC	-0.4 (-3.7%)	10,167,230
ITA	-0.2 (-2.4%)	7,456,660
OGC	-0.1 (-1.3%)	5,818,220
KSS	0.3 (5.5%)	3,984,030
SAM	-0.8 (-5.6%)	3,969,570

**HOSE Top 5 theo % tăng**

DTT	0.6 (6.9%)	1,710
KSS	0.3 (5.5%)	3,984,030
LBM	0.7 (5.4%)	10
DCT	0.1 (4.5%)	47,180
SGT	0.2 (4.1%)	210

**HOSE Top 5 theo % giảm**

NNC	-21.6 (-30.6%)	250
PXS	-1.6 (-6.9%)	823,560
PET	-1.5 (-6.8%)	1,220,650
PDN	-2.5 (-6.8%)	10
STG	-1.8 (-6.7%)	140

**HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN**

IJC	17,5 tỷ	1,252,720
SSI	16,7 tỷ	568,850
BMI	14,1 tỷ	806,070
VCB	10,7 tỷ	351,580
HT1	7,3 tỷ	428,300

**HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN**

GAS	-17,4 tỷ	269,050
HAG	-17,3 tỷ	765,210
KDC	-16,7 tỷ	341,730
DPM	-11,3 tỷ	356,950
PVD	-8,5 tỷ	146,400

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	304,930	- 7.96

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Lực bán diễn ra trên diện rộng, không chỉ diễn ra ở nhóm cổ phiếu dầu khí. Nhiều mã rơi vào trạng thái bán tháo. VN-Index đóng cửa mất hơn 2%.
- ▶ KLGD gia tăng khá mạnh và đạt 114 triệu cổ phiếu. Thanh khoản chỉ thực sự gia tăng khi VN-Index mất điểm mạnh, nhiều nhà đầu tư tỏ ra mất kiên nhẫn với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ với giá trị 8 tỷ. Chưa khẳng định được đà bán ròng đã dừng lại ở khối này, nhiều khả năng xu thế của khối này sẽ trở nên rõ hơn ở cuối tuần này.
- ▶ VN-Index tiếp tục mất điểm khá mạnh khi các cổ phiếu dầu khí vẫn là tâm điểm. Kỳ vọng ngưỡng hỗ trợ 520 điểm sẽ giúp thị trường cân bằng khi lực cầu bắt đáy tham
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc mua mới nên hướng tới mục tiêu trung và dài hạn, tập trung nhóm cổ phiếu cơ bản tốt.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	64.5	122,227.50	11.3	3.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	97.5	97,511.56	17.0	5.4	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	30.6	81,549.62	17.6	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.0	68,364.09	18.0	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	81.0	59,600.46	- 471.4	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	8.3	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	49.8	23,999.03	7.9	2.2	30.2%	14.7%
BVH	680.5	35.0	23,816.50	19.5	2.1	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	17.7	20,222.46	8.4	1.2	14.3%	1.4%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
HAG	789.9	22.3	17,614.75	9.7	1.3	29.5	MUA
KBC	389.8	15.8	6,158.21	15.0	1.2	NA	TH.DOI
HCM	127.2	32.1	4,084.07	10.1	1.8	NA	TH.DOI
LCG	76.2	9.0	686.25	- 3.9	0.7	NA	TH.DOI
SSI	353.8	29.2	10,330.81	14.7	1.9	NA	TH.DOI
TDC	100.0	11.8	1,180.00	7.6	1.2	NA	TH.DOI

**HNX** 16/12/2014 HNX-Index 82.64 -1.60 -1.90% 62,486,275 CP 815.88 bil. VND

### Đà bán tháo xuất hiện, chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 1.60 điểm (-1.90%), đóng cửa tại mốc 82.64 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đồ thân nến dài, HNX-Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm trở lại và sắp đi vào vùng quá bán.

- MACD tiếp tục sụt giảm khá mạnh. Nó cho thấy rủi ro giảm điểm của HNX-Index vẫn còn.

- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật của HNX-Index đều đang cho tín hiệu quá bán, tuy nhiên rủi ro vẫn còn khi nhiều cổ phiếu đầu khí vẫn chưa có dấu hiệu tạo đáy.



### HNX Top 5 theo KLGD

SCR	-0.4 (-3.9%)	7,212,830
KLF	-0.5 (-3.8%)	6,583,890
PVS	-1.8 (-7.1%)	4,965,460
PVX	-0.2 (-3.6%)	4,018,240
SHB	-0.1 (-1.2%)	3,284,240

### HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
BBS	1.4 (9.9%)	100
HNM	1.3 (9.9%)	355,630
MCF	1.7 (9.7%)	300
L18	0.9 (9.0%)	150

### HNX Top 5 theo % giảm

S12	-0.7 (-10.0%)	100
VXB	-1.9 (-10.0%)	2,000
PPE	-0.8 (-9.9%)	5,000
API	-1.9 (-9.8%)	946,400
ITQ	-3.4 (-9.8%)	751,210

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

BCC	3,3 tỷ	220,000
SDT	0,8 tỷ	49,300
PCT	0,6 tỷ	80,900
THB	0,3 tỷ	10,200
KTS	0,2 tỷ	15,300

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-7,4 tỷ	310,200
SHB	-1,0 tỷ	122,400
LAS	-0,5 tỷ	14,000
API	-0,3 tỷ	15,500
VND	-0,2 tỷ	17,800

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HNX	-33,200	- 3.29

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực bán diễn ra trên diện rộng, không chỉ diễn ra ở nhóm cổ phiếu đầu khí. Nhiều mã rơi vào trạng thái bán tháo. HNX-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
- ▶ KLGD gia tăng khá mạnh và đạt 55 triệu cổ phiếu. Thanh khoản chỉ thực sự gia tăng khi HNX-Index mất điểm mạnh, nhiều nhà đầu tư tỏ ra mất kiên nhẫn với TT.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 3,29 tỷ. Nhìn chung nhịp bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại, vì vậy rủi ro HNX-Index tiếp tục giảm điểm vẫn còn.
- ▶ HNX-Index liên tục phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng một phần do ảnh hưởng tâm lý thái quá tuy nhiên việc khối ngoại vẫn bán ròng khiến chúng tôi khá lo ngại.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc mua mới nên hướng tới mục tiêu trung và dài hạn, tập trung nhóm cổ phiếu cơ bản tốt.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	26.1	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	23.7	10,586.80	6.9	1.3	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.5	7,531.71	9.4	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.4	5,918.92	9.2	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.7	3,985.30	12.3	0.6	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	33.3	2,591.81	7.4	2.1	25.6%	14.6%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
AAA	39.6	16.1	637.56	6.3	1.2	NA	TH.DOI
BVS	72.2	14.1	1,018.36	10.6	0.8	NA	TH.DOI
DBC	62.7	26.8	1,681.48	9.2	1.0	NA	TH.DOI
PLC	70.3	32.9	2,311.54	10.4	2.0	NA	TH.DOI
ICG	20.0	8.3	166.00	12.0	0.7	NA	TH.DOI
SHB	886.1	8.5	7,531.71	9.4	0.7	NA	TH.DOI



## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	15.79%	81.0	- 471.43	4.18	186,642	155,584	170,622
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	12.97%	47.0	17.99	3.80	916,830	947,070	1,599,360
PVD	HOSE	303.0	17,424.62	9.83%	57.5	7.71	1.67	1,054,118	1,003,159	668,244
HPG	HOSE	481.9	23,999.03	11.70%	49.8	7.93	2.18	392,355	452,358	531,102
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	7.43%	22.3	9.66	1.25	3,446,002	2,957,804	3,717,640
KDC	HOSE	255.2	12,375.32	6.11%	48.5	20.97	1.92	1,068,465	1,201,410	895,706
STB	HOSE	1,142.5	20,222.46	5.84%	17.7	8.40	1.16	189,140	223,180	319,710
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	5.72%	30.6	17.62	1.87	705,888	514,134	417,377
DPM	HOSE	379.9	11,967.93	4.32%	31.5	10.25	1.33	977,048	821,831	597,776
KBC	HOSE	389.8	6,158.21	2.92%	15.8	14.98	1.21	2,570,687	3,123,523	4,813,409
ITA	HOSE	718.9	5,895.03	2.87%	8.2	49.46	0.77	5,666,788	5,808,560	6,258,238
HSG	HOSE	96.3	4,603.77	1.94%	47.8	11.51	1.98	157,243	138,765	308,053
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	1.87%	35.0	19.54	2.05	135,149	173,391	210,258
HVG	HOSE	132.0	3,788.39	1.55%	28.7	13.45	1.63	787,094	953,483	1,549,044
FLC	HOSE	314.9	3,306.39	1.63%	10.5	6.39	0.90	11,588,746	18,739,785	14,592,440
PPC	HOSE	318.2	8,240.20	1.58%	25.9	11.75	1.59	582,752	377,766	354,339
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.31%	54.0	13.34	3.22	103,764	90,178	101,717
PVT	HOSE	255.9	4,016.96	1.41%	15.7	13.86	1.34	2,672,921	2,484,066	2,185,027
CSM	HOSE	67.3	2,826.26	1.32%	42.0	8.20	2.25	45,015	67,303	133,497
VSH	HOSE	206.2	2,846.13	1.16%	13.8	19.72	1.07	261,071	324,019	435,420
OGC	HOSE	300.0	2,370.00	0.52%	7.9	13.92	0.74	4,688,746	5,380,214	5,722,729

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	9.19%	81.0	- 471.43	4.18	186,642	155,584	170,622
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	8.04%	47.0	17.99	3.80	916,830	947,070	1,599,360
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	8.34%	30.6	17.62	1.87	705,888	514,134	417,377
STB	HOSE	1,142.5	20,222.46	6.71%	17.7	8.40	1.16	189,140	223,180	319,710
PVS	HNX	446.7	10,586.80	4.15%	23.7	6.86	1.31	3,549,867	2,923,839	2,800,425
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	4.62%	35.0	19.54	2.05	135,149	173,391	210,258
DPM	HOSE	379.9	11,967.93	4.72%	31.5	10.25	1.33	977,048	821,831	597,776
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	3.85%	22.3	9.66	1.25	3,446,002	2,957,804	3,717,640
PVD	HOSE	303.0	17,424.62	3.04%	57.5	7.71	1.67	1,054,118	1,003,159	668,244
PPC	HOSE	318.2	8,240.20	3.76%	25.9	11.75	1.59	582,752	377,766	354,339
ITA	HOSE	718.9	5,895.03	3.23%	8.2	49.46	0.77	5,666,788	5,808,560	6,258,238
FLC	HOSE	314.9	3,306.39	2.75%	10.5	6.39	0.90	11,588,746	18,739,785	14,592,440
SHB	HNX	886.1	7,531.71	2.71%	8.5	9.42	0.74	3,968,669	3,241,191	3,875,841
VCG	HNX	441.7	5,918.92	2.28%	13.4	9.16	1.07	1,590,317	1,624,938	1,503,367
PVT	HOSE	255.9	4,016.96	1.71%	15.7	13.86	1.34	2,672,921	2,484,066	2,185,027
OGC	HOSE	300.0	2,370.00	1.35%	7.9	13.92	0.74	4,688,746	5,380,214	5,722,729
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	0.94%	54.0	13.34	3.22	103,764	90,178	101,717
IJC	HOSE	274.2	3,838.72	0.69%	14.0	22.66	1.33	798,050	589,262	687,601
PVX	HNX	400.0	2,160.00	0.00%	5.4	- 2.45	2.43	4,143,633	4,805,391	6,794,999

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	0.00%	47.0	17.99	3.80	916,830	947,070	1,599,360
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.00%	81.0	- 471.43	4.18	186,642	155,584	170,622
DPM	HOSE	379.9	11,967.93	0.00%	31.5	10.25	1.33	977,048	821,831	597,776
HAG	HOSE	789.9	17,614.75	0.00%	22.3	9.66	1.25	3,446,002	2,957,804	3,717,640
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	0.00%	30.6	17.62	1.87	705,888	514,134	417,377
STB	HOSE	1,142.5	20,222.46	0.00%	17.7	8.40	1.16	189,140	223,180	319,710
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	0.00%	35.0	19.54	2.05	135,149	173,391	210,258
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.74	0.97	298,470	220,490	275,362
GAS	HOSE	1,895.0	122,227.50	0.00%	64.5	11.34	3.70	705,575	635,160	498,221

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	1.18%	81.0	- 471.43	4.18	186,642	155,584	170,622
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	1.17%	47.0	17.99	3.80	916,830	947,070	1,599,360
PVD	HOSE	303.0	17,424.62	0.45%	57.5	7.71	1.67	1,054,118	1,003,159	668,244
STB	HOSE	1,142.5	20,222.46	0.39%	17.7	8.40	1.16	189,140	223,180	319,710
VCB	HOSE	2,665.0	81,549.62	0.36%	30.6	17.62	1.87	705,888	514,134	417,377
BVH	HOSE	680.5	23,816.50	0.00%	35.0	19.54	2.05	135,149	173,391	210,258

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

16 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,156	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,454	9.7	1.6	16.9%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,863	15.2	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	903	6.5	1.0	14.3%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,076	12.7	1.9	22.0%	10.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,968	3.6	1.0	22.0%	5.3%
Khai khoáng	12,575	90.1	6.2	-4.0%	-3.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,647	14.1	1.5	13.8%	7.5%
Xây dựng	32,647	31.5	1.2	0.3%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,205	9.6	1.1	15.7%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,042	6.9	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,660	8.2	1.5	18.4%	6.5%
Thiết bị điện	2,071	32.0	1.3	3.2%	0.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	77	25.3	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,602	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,492	3.2	1.1	5.0%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,659	8.4	1.5	18.4%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,949	7.5	1.6	23.3%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,501	17.7	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	271	14.1	0.8	6.4%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	196	8.9	0.9	12.4%	4.9%
Chất thải & Môi trường	216	3.3	1.0	33.7%	15.6%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,430	14.5	1.5	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,260	10.6	2.8	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,813	8.0	1.4	17.8%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	315	15.8	2.1	14.7%	9.9%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,279	10.4	1.8	21.0%	7.4%
Thực phẩm	186,476	24.0	4.5	18.6%	14.4%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	20.0	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,089	8.4	1.5	19.3%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	529	63.8	1.4	2.6%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,761	8.9	1.7	19.2%	7.6%
Giày dép	12	1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,365	10.7	2.0	18.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	668	9.6	1.0	2.2%	4.8%

16 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,935	9.4	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	238	10.2	1.4	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,298	12.2	2.7	22.3%	14.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	268	42.6	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	752	10.5	1.2	13.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,852	9.9	1.7	18.8%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,154	9.5	1.0	10.3%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,664	55.5	2.5	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,951	21.6	1.4	9.8%	8.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,706	18.2	3.5	23.4%	20.0%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	753	11.2	0.9	8.9%	3.3%
Internet	363	76.6	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,754	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	477	16.3	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	300	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,289	35.4	6.8	33.5%	11.3%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,740	10.3	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	136,899	11.2	3.6	32.2%	21.8%
Nước	1,267	6.8	1.1	16.9%	11.6%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,542	9.2	1.1	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,660	11.3	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	24,565	19.5	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,819	9.8	1.3	15.0%	9.7%
Môi giới chứng khoán	27,486	11.7	1.5	11.0%	7.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	244,666	11.6	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	160,613	15.7	2.5	17.4%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,232	7.3	1.5	21.9%	9.3%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.